

TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG

DANH SÁCH HỌC SINH KHÓ KHĂN ĐƯỢC TÀI TRỢ HỌC PHÍ HÀNG THÁNG
TỪ THÁNG 11/2022 ĐẾN THÁNG 5/2023 (7 THÁNG)

NĂM HỌC: 2022 - 2023

STT	Họ và tên	Lớp	HP công lập 100.000đ/ tháng	Tiền dạy B2 300.000đ/ tháng	Anh văn bản ngữ 200.000đ/ tháng	Tổng cộng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Đoan Trang	12A1	50.000	120.000		170.000	
2	Trần Thị Thuỷ Trang	12A1	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
3	Ngô Bình An	12A1				-	hộ nghèo
4	Huỳnh Cẩm Thu	12A1	50.000	120.000		170.000	
5	Phan Bích Tuyên	12A1	50.000	120.000		170.000	
6	Nguyễn Hồng Ngọc	12A1	50.000	120.000		170.000	
7	Nguyễn Long Nhật	12A2				-	hộ nghèo
8	Lê Uyên Xuân Mai	12A2	50.000	120.000		170.000	
9	Trần Huỳnh Mai	12A3	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
10	Lê Thị Thảo Vy	12A3	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
11	Nguyễn Quốc Doanh	12A3	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
12	Lê Thiên Duyên	12A3	50.000	120.000		170.000	
13	Phan Thị Ngọc Trâm	12A3				-	hộ nghèo
14	Võ Thị Ngọc Hân	12A4	50.000	120.000		170.000	
15	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	12A4				-	hộ nghèo
16	Nguyễn Thị Hồng Tiên	12A4	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
17	Nguyễn Duyên Kiều Mai	12A4	50.000	120.000		170.000	
18	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12A5				-	hộ nghèo
19	Nguyễn Thanh Ngọc	12A5				-	hộ nghèo
20	Trần Văn Định	12A6	50.000	120.000		170.000	
21	Nguyễn Thị Tiên	12A6	50.000	120.000		170.000	
22	Thái Thị Mỹ Khánh	12A6	50.000	120.000		170.000	
23	Nguyễn Lê Quỳnh Như	12A7	50.000	120.000		170.000	
24	Nguyễn Lê Hoàng Minh	12A7	50.000	120.000		170.000	
25	Lê Thị Ngọc Giàu	12A7	50.000	120.000		170.000	
26	Lê Huy	12A8	50.000	120.000		170.000	cận nghèo
27	Nguyễn Thanh Trúc	12A8				-	hộ nghèo
28	Nguyễn Thảo Vi	12A8				-	hộ nghèo
29	Huỳnh Hữu Phúc	12A8	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
30	Huỳnh Thị Thanh Ngân	12A8	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
31	Huỳnh Thị Thúy Ngân	12A8	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
32	Lê Huỳnh Như	12A8	50.000	120.000		170.000	
33	Lê Thị Kim Hậu	12A8	50.000	120.000		170.000	
34	Nguyễn Trần Khánh Vy	12A8	50.000	120.000		170.000	
35	Nguyễn Ngọc Trần Châu	12A9	50.000	120.000		170.000	
36	Mai Thành Phát	12A9	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
37	Phan Thị Diễm My	11A1	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
38	Lê Ngọc Như Ý	11A2	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
39	Nguyễn Lê Minh Anh	11A2			100.000	100.000	hộ nghèo
40	Phạm Quốc Tú	11A2			100.000	100.000	hộ nghèo
41	Trần Thị Diễm Hương	11A2	50.000	120.000	100.000	270.000	
42	Trần Phạm Minh Huy	11A3	50.000	120.000	100.000	270.000	
43	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	11A3	50.000	120.000	100.000	270.000	
44	Nguyễn Trần Tuấn Tú	11A6				-	hộ nghèo
45	Lê Phạm Ngọc Trâm	11A6				-	hộ nghèo
46	Nguyễn Thị Kim Ngân	11A7	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
47	Nguyễn Thị Ngọc Lan	11A7	50.000	120.000		170.000	
48	Nguyễn Hoài Thương	11A7	50.000	120.000		170.000	
49	Mai Cao Ngọc Trinh	11A8				-	hộ nghèo

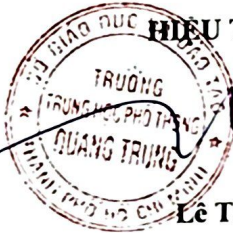
50	Nguyễn Huy Hoàng	11A8	50.000	120.000		170.000	
51	Nguyễn Dũng Giang Trung	11A8	50.000	120.000		170.000	
52	Trần Như Viên Nhân	11A9	50.000	120.000		170.000	
53	Trần Nguyễn Nhật Nguyên	11A9				-	hộ nghèo
54	Nguyễn Thành Thiện	11A9	50.000	120.000		170.000	
55	Nguyễn Văn Tiến	11A9	25.000	75.000		100.000	cận nghèo
56	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	11A9				-	hộ nghèo
57	Trần Hữu Thế	11A10	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
58	Đặng Lê Minh Lâm	11A10	50.000	120.000	100.000	270.000	
59	Nguyễn Thị Thu Trang	11A11	50.000	120.000	100.000	270.000	
60	Nguyễn Minh Hào	11A11	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
61	Phan Thị Ngọc Trinh	11A11	50.000	120.000	100.000	270.000	
62	Trần Thị Tuyết Hạnh	10A2	50.000	120.000	100.000	270.000	
63	Trần Hữu Thành	10A2	100.000	300.000	200.000	600.000	Hòa nhập
64	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10A2	50.000	120.000	100.000	270.000	
65	Nguyễn Hoàng Tú	10A3			100.000	100.000	hộ nghèo
66	Phạm Phi Phàm	10A3			100.000	100.000	hộ nghèo
67	Lê Ngọc Sương	10A3	50.000	120.000	100.000	270.000	
68	Lê Thị Thanh Huyền	10A4	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
69	Trần Phạm Ngọc Hân	10A4	50.000	120.000	100.000	270.000	
70	Trần Minh Quang	10A4	50.000	120.000	100.000	270.000	
71	Tăng Phương Trinh	10A5	50.000	120.000	100.000	270.000	
72	Hồ Quốc Thái	10A5	50.000	120.000	100.000	270.000	
73	Nguyễn Hoài Bảo Châu	10A6	50.000	120.000	100.000	270.000	
74	Ngô Thanh Phong	10A7	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
75	Ngô Thanh Phú	10A7	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
76	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10A7			100.000	100.000	hộ nghèo
77	Đinh Nguyễn Thu Hoài	10A7	50.000	120.000	100.000	270.000	
78	Nguyễn Lê Ngọc Thành	10A7			100.000	100.000	hộ nghèo
79	Lâm Yến Vy	10A8	50.000	120.000	100.000	270.000	
80	Lương Lê Thanh Phong	10A9			100.000	100.000	HU tài trợ
81	Hồ Trọng Phát	10A9			100.000	100.000	hộ nghèo
82	Hoàng Châu Nhật Bảo	10A10	50.000	120.000	100.000	270.000	
83	Lê Minh Tuấn	10A10	50.000	120.000	100.000	270.000	
84	Nguyễn Nhật Huy	10A11	50.000	120.000	100.000	270.000	
85	Nguyễn Dương Quốc Trung	10A11	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
86	Dương Võ Tấn Phát	10A11	25.000	75.000	100.000	200.000	cận nghèo
87	Cao Kiều Diễm	10A11			100.000	100.000	hộ nghèo
88	Vương Nguyễn Minh Nhật	10A11	50.000	120.000	100.000	270.000	
89	Lê Hoàng Long	10A12			100.000	100.000	hộ nghèo
90	Nguyễn Thị Trà My (hòa nhập)	10A12			200.000	200.000	mồ côi cha mẹ
91	Lê Tuấn Vỹ	10A12	100.000	300.000	200.000	600.000	Hòa nhập
92	Ngô Thị Giàu	11A4				-	hộ nghèo
93	Nguyễn Văn Anh	10A4			100.000	100.000	cận nghèo
94	Nguyễn Thế Duy	10A4			100.000	100.000	hộ nghèo
95	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	10A7			100.000	100.000	hộ nghèo
96	Phạm Trọng Hiếu	10A7			100.000	100.000	cận nghèo
97	Nguyễn Hồ Bảo Trâm	10A7			100.000	100.000	hộ nghèo
98	Trần Lê Hữu Trí	10A7			100.000	100.000	hộ nghèo
99	Lê Quốc Anh	11A11			100.000	100.000	cận nghèo
100	Nguyễn Minh Nhựt	12A5	100.000	300.000		400.000	Hòa nhập
101	Trần Thiên Phúc	11A6	100.000	300.000		400.000	Hòa nhập
102	Ngô Gia Khiêm	11A11	100.000	300.000		400.000	Bí thư ĐT
103	Trương Đình Trí	11A1	100.000	300.000		400.000	P.Bí thư ĐT
104	Nguyễn Xuân Đào	11A11	50.000	150.000		200.000	UV.BCH ĐT

105	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	11A11	50.000	150.000		200.000	UV.BCH DT
106	Nguyễn Vũ Trọng Nhân	11A11	50.000	150.000		200.000	UV.BCH DT
107	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	11A11	50.000	150.000		200.000	UV.BCH DT
108	Nguyễn Thị Thu Trang	11A11	50.000	150.000		200.000	UV.BCH DT
109	Phan Châu Ái Vy	11A10	50.000	150.000		200.000	UV.BCH DT
110	Nguyễn Ngọc Tường Vy	11A10	50.000	150.000		200.000	UV.BCH DT
Tổng cộng			3.700.000	9.750.000	5.200.000	18.650.000	

Tổng tiền tài trợ học phí 1 tháng	18.650.000	Mười tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn
Tổng tiền tài trợ học phí 7 tháng	130.550.000	Một trăm ba mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Củ Chi, ngày 05 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Uyên

TRƯỞNG BDD CMHS


Nguyễn Thị Kim Giang


Nguyễn Thị Ngọc Ánh

